| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ**<br>TỈNH ĐIỆN BIÊN | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 43/2023/QĐST-HNGĐ | *B, ngày 24 tháng 8 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Thu Hà

2. Ông Vũ Văn Quỳnh

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235, 246 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 70/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2023.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

## XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ.

- Bị đơn*:* Anh Trần Đại D; Địa chỉ: Trại Giam N, xã N, thành phố B, tỉnh Đ;

**2.** Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Đại D thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh D được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Thảo N - sinh ngày 18/11/2015, Chị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Minh D - sinh ngày 20/02/2021, cho đến khi các cháu thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của

cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về tài sản: Chị T xin rút yêu cầu khởi kiện về tài sản chung, tài sản riêng, anh D xin rút yêu cầu phản tố đối với số tiền 110.000.000 đồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về chi phí tố tụng: Số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.6. Về án phí: Chị T và anh D mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị T tự nguyện chịu số tiền này cho anh D, nên chị T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 17.300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0002165 ngày 23/02/2023 của chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ. Trả lại cho chị T số tiền 17.000.000 đồng. Trả lại cho anh D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.750.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0002177, ngày 20/3/2023 của chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
*- VKSND TP. B;*
*- Các đương sự;*
*- UBND xã T, H. Đ;*
*- Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Thúy Thành**